TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19 /2018/DS-PT
Ngày: 18 - 01 – 2018.

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1- Ông Huỳnh Đức Khải.

2- Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 284/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp B, xã T , huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của T*: Ông Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: khu TĐC N, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ (theo Giấy ủy quyền ngày 12/05/2017). (có mặt)

2/- Bị đơn:

2.1/- Ông L, sinh năm 1965;

2.2/- Bà Tr, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (L ủy quyền cho Tr, theo Giấy ủy quyền ngày 17/01/2018). (Tr có mặt)

3/- Người kháng cáo: Ông L và bà Tr là đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

1/- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đ trình bày: Nguyên khoảng từ năm 2015 đến năm 2017 bà T có làm chủ hụi và vợ chồng ông L, bà Tr có tham gia chơi hụi. Lúc đầu vợ chồng L, Tr đóng hụi đầy đủ, nhưng đến giữa năm 2015 vợ chồng L, Tr không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi như đã thoả thuận. Khi đó vợ chồng L, Tr có đến mượn tiền bà T nhiều lần với tổng số tiền 375.000.000đồng để đóng hụi lại cho các hụi viên khác và hẹn sẽ trả lại cho T toàn bộ số tiền trong 03 (ba) tháng, nhưng nhiều lần vợ chồng L, Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận. T đã yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải, tại cuộc hòa giải ngày 20/8/2016 của Tổ hòa giải ấp B, xã T L thừa nhận toàn bộ số nợ và xin trả chậm cho T, T đồng ý nhưng đến thời hạn trả nợ vợ chồng L, Tr không thực hiện đúng như thỏa thuận. Ngày 07/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 30/6/2017) vợ chồng L, Tr có trả cho T 20.000.000đồng và hứa trong thời gian một tháng rưỡi sẽ trả tiếp cho T 57.000.000đồng nhưng đến nay vợ chồng L, Tr vẫn không thực hiện. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông L và bà Tr trả cho T số tiền còn lại là 355.000.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất.

2/- Các bị đơn ông L và bà Tr thống nhất trình bày: L, Tr thừa nhận còn nợ T số tiền 355.000.000đồng là đúng sự thật, do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang khó khăn nên L, Tr xin trả chậm. Tại phiên hoà giải tại Tòa án ngày 24/08/2017 L, Tr cũng thừa nhận nợ và các bên đã thống nhất với nhau về số nợ và thoả thuận được với nhau về thời gian trả nợ nên Tòa án lập biên bản hòa giải thành để ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Nhưng đến ngày 30/8/2017 L, Tr có đơn yêu cầu thay đổi ý kiến đã thoả và xin trả chậm cho T mỗi tháng 5.000.000đồng đến khi dứt nợ.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 đã quyết định như sau:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, 405, 471, 474 và khoản 1 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 401 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

Buộc vợ chồng ông L và bà Tr cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 355.000.000đồng *(Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng)*. T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất phải chịu do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 18/10/2017 bị đơn L và Tr cùng kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 22/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, với nguyên do:

- Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "hợp đồng dân sự vay tài sản" là chưa chính xác vì đây là hợp đồng chơi hụi.

- Nội dung bản án nêu L, Tr thừa nhận nợ, không phản đối và không phản tố là nhận định của Tòa án, giấy nợ do T tự viết đưa cho Tr ký, L không biết.

- Nhận định L, Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là không đúng, ngày 19/09/2017 ông bà có làm đơn xin hoãn phiên tòa do Tr bị bệnh ung thư phải điều trị dài ngày, có chính quyền địa phương xác nhận và cung cấp hồ sơ bệnh án cho Tòa án, nhưng không được xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn L và Tr là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng luật định.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 07/07/2017 nguyên đơn T cho rằng bị đơn L và Tr có tham gia góp hụi do nguyên đơn làm chủ hụi, sau khi hốt hụi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết, nên có mượn tiền nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là

375.000.000đồng để đóng hụi chết, bị đơn hứa hẹn trả tiền cho nguyên đơn nhiều lần nhưng không thực hiện, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền mượn là 375.000.000đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật để giải quyết *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* (vay không kỳ hạn và không có lãi) là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 471, khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[3] Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/QĐXXST-DS ngày 30/08/2017 (tống đạt cho bị đơn L và bị đơn L nhận thay bị đơn Tr ngày 30/08/2017), vụ án được đưa ra xét xử vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 15/09/2017, đến ngày mở phiên tòa bị đơn L và bị đơn Tr vắng mặt, nên Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên thiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2017/QĐST-DS ngày 15/09/2017 (tống đạt cho bị đơn L và bị đơn L nhận thay bị đơn Tr ngày 18/09/2017) và phiên tòa mở lại vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 22/09/2017. Ngày 19/09/2017 bị đơn L và bị đơn Tr làm đơn yêu cầu hoãn phiên tòa (có UBND xã chứng thực) gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm qua đường bưu chính (gửi ngày 20/09/2017), với lý do Tr bị bệnh ung thư phải điều trị dài ngày và cung cấp hồ sơ bệnh án cho Tòa án. Tuy nhiên, trên thực tế bị đơn Tr có bị bệnh hiểm nghèo "Hạch cổ (P)" phải điều trị dài ngày, nhưng tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án thì bị đơn Tr điều trị tại nhà, không có nhập viện hoặc nhập viện đột suất nên bị đơn Tr vẫn ủy quyền cho bị đơn L hoặc người khác đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bị đơn Tr và bị đơn L hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, lý do bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa và vắng mặt tại phiên tòa không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Theo nguyên đơn T thì vợ chồng bị đơn L, Tr có tham gia góp hụi do nguyên đơn làm chủ hụi, sau khi hốt hụi bị đơn không có tiền đóng hụi chết, nên đã mượn tiền nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 375.000.000đồng để đóng hụi, đến ngày 30/06/2017 bị đơn trả cho nguyên đơn được 20.000.000đồng và còn nợ lại 355.000.000đồng không thực hiện trả cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn Tr và bị đơn L thừa nhận toàn bộ số nợ theo nguyên đơn trình bày, ngày 24/08/2017 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận thống nhất với nhau là bị đơn Tr và bị đơn L đồng ý trả cho nguyên đơn T số tiền mượn còn lại 355.000.000đồng và thỏa thuận được thời gian trả nợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản hòa giải thành. Đến ngày 30/08/2017 bị đơn có đơn xin thay đổi ý kiến thỏa thuận, bị đơn không thay đổi về số tiền mượn còn lại 355.000.000đồng, mà chỉ thay đổi ý kiến thỏa thuận về thời gian trả nợ và xin trả nợ mỗi tháng 5.000.000đồng (5.000.000đ/tháng)

đến khi hết nợ. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn L và bị đơn Tr có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn T số tiền mượn còn thiếu 355.000.000đồng là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Tr cho rằng theo bị đơn nhớ và tính lại thì bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn T số tiền là 155.000.000đồng chứ không phải nợ 355.000.000đồng, nhưng bị đơn Tr không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

[3] Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp vay tài sản", chứng cứ đã rõ ràng, Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp hoặc đương sự trong vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát cùng cấp không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng luật định.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn L và bị đơn Tr là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn L và Tr.

2/- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 68/2017/DS-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, 405, 471, 474 và khoản 1 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 401 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.*

- Buộc vợ chồng ông L và bà Tr cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 355.000.000đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng). T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 355.000.000đồng thì hàng tháng ông L và bà Tr còn phải trả cho bà T theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn L và Tr phải chịu 17.750.000đồng; Hoàn trả cho nguyên đơn T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 9.375.000đồng theo biên lai thu số 0007554 ngày 13/07/2017 (do ông Phạm Văn Lộc nộp thay) của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.*

3/- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn L và Tr phải chịu mỗi người 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0009364 ngày 27/10/2017 và số 0009411 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị đơn L và bị đơn Tr đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hùng Nuôi